

ĐÔ THỊ SÔNG CẦU (1887 – 1921)

Ngô Minh Sang – Nguyễn Văn Tiến

SÔNG CẦU, VÙNG ĐẤT KHỞI ĐẦU CỦA QUÁ TRÌNH KHẮN HOANG VÀ ĐỊNH CƯ TRÊN CON ĐƯỜNG NAM TIẾN CỦA CƯ DÂN NGƯỜI VIỆT ĐÃ TỪNG ĐÓNG VAI TRÒ LÀ TRUNG TÂM TỈNH LÝ CỦA PHÚ YÊN THỜI PHÁP THUỘC. TRONG GIAI ĐOẠN 1887 – 1921, CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN PHÁP ĐÃ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ TRIỂN KHAI CÁC CHÍNH SÁCH KHAI THÁC THUỘC ĐỊA Ở SÔNG CẦU, QUY HOẠCH VÙNG NÀY TRỞ THÀNH TRUNG TÂM TỈNH LÝ, KINH TẾ, VĂN HÓA – GIÁO DỤC Ở PHÚ YÊN TRONG 20 NĂM ĐẦU THẾ KỶ XX.



Nuôi thủy sản trên vịnh Xuân Đài, thị xã Sông Cầu. Ảnh: Dương Thanh Xuân

1. Thực dân Pháp di dời và xây dựng trung tâm tỉnh lý ở Sông Cầu

Về phía chính quyền bảo hộ Pháp, tháng 1-1888, người Pháp chính thức xác lập hệ thống chính quyền thực dân ở Phú Yên. Đứng đầu chính quyền bảo hộ là viên Công sứ nắm giữ quyền công chính và thương chính, về sau thực dân Pháp ban hành thêm quyền lãnh sự, thay mặt Khâm sứ Trung kỳ chỉ đạo mọi hoạt động từ tỉnh trở xuống. Giúp việc có viên Phó sứ và các quan lại đứng đầu mỗi sở, ngành chuyên môn như giám binh, thầy thuốc, lục lộ, chủ sở Điện báo, quan thú y...⁽¹⁾. Viên Công sứ đến thụ chức đầu tiên ở Phú Yên là Tirant, Phó sứ là Groleau. Giúp việc cho tòa Công sứ còn có các

quan lại người Việt giữ chức vụ tham tá, phán sự và thông ngôn.

Xuất phát từ những toan tính về chính trị, quân sự và quyền lợi kinh tế, chính quyền bảo hộ chọn Vũng Lắm làm nơi tọa lạc tòa Công sứ đầu tiên ở Phú Yên. Vũng Lắm nằm trong vịnh Xuân Đài vừa là thương cảng và quân cảng quan trọng ở Nam Trung kỳ. Về phía tây, Vũng Lắm giáp với con đường thiên lý, án ngữ trọng điểm của tỉnh giống như tâm điểm của trục tung hoành với 4 hướng Đông, Tây, Nam, Bắc. Từ đây việc tiếp ứng cũng như rút lui của chính quyền bảo hộ nhanh chóng khi có những cuộc nổi loạn dân bản xứ. Mặt khác, Vũng Lắm nằm bên cạnh thành An Thổ, phủ lý Nam triều xây dựng từ thời Minh

Mạng, cửa Đông thành An Thổ thông ra vịnh Xuân Đài, sở hữu cửa biển Tiên Châu, nơi diễn ra hoạt động trao đổi, buôn bán tấp nập giữa người bản xứ với các lái buôn ngoại quốc Hà Lan, Pháp, Hoa Kỳ, Bồ Đào Nha... Những phố buôn bán người Hoa, dân bản xứ gọi là khách trú dựng lên khắp các khu vực thuộc vịnh Xuân Đài.

Từ giữa năm 1888, hệ thống chính quyền thực dân tay sai ngày càng mở rộng, người Pháp dự kiến xây dựng đồn giám binh, sở thương chánh, công chính, y tế... Phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa sắp tới, chính quyền bảo hộ nhận ra Vũng Lắm không phù hợp để đặt một chính quyền quy mô lớn và lâu dài. Tháng 2-1889⁽²⁾, chính quyền thực dân Pháp dời tòa Công sứ ra làng Phước Lý (Sông Cầu) và đóng ở đây cho tới ngày thực dân Pháp cáo chung. Việc di dời tòa Công sứ của chính quyền bảo hộ nhằm phục vụ ý đồ cai trị lâu dài, cùng với đó là những chính sách khai thác thuộc địa sẽ được triển khai trên khắp địa bàn tỉnh Phú Yên.

Sự kiện này kéo theo hàng loạt các sở với nhiều phòng, ban lần lượt di dời về tỉnh lỵ Sông Cầu. Sở giám binh, đứng đầu là viên quan chủ sở, bên dưới là các đồn lính khố xanh ở mỗi phủ, huyện và ở tận thôn, buôn. Đứng đầu mỗi đồn là viên quan Một hoặc quan Hai, giúp việc có quan thông ngôn người Việt, bên dưới là đội lính bản xứ do nhà cầm quyền An Nam cung cấp. Sở thương chính trưng dụng nhiều phòng phụ trách các vấn đề như phòng quản lý xuất nhập cảng, phòng quản lý muối, phòng thuế về buôn bán, nấu rượu... Thực dân Pháp đặt phòng quản lý xuất nhập cảng 1 tham tá, 1 thừa hành và một số viên lại giúp việc thực hiện thu thuế, về sau đặt thêm đội cảnh sát vệ sinh.

Về phía chính quyền An Nam, năm 1888, chính quyền bảo hộ đặt tòa Công sứ tại Vũng Lắm nên tỉnh đường phải dời ra làng Tân Thạnh (Xuân Thọ II, Sông Cầu) theo yêu cầu của người Pháp. Năm 1889, tỉnh lỵ dời về lại thành An Thổ. Và đến năm 1899, tỉnh lỵ dời ra thôn Long Bình (Sông Cầu), nằm bên cạnh tòa Công sứ để cho người Pháp dễ bề cai trị.

Phú Yên xếp vào hạng tỉnh nhỏ, đứng đầu là quan Tuần vũ, kế đến quan Án sát, Đốc học, Lãnh binh. Theo nghị định ngày 27-3-1890, Toàn quyền Đông Dương sát nhập tỉnh Phú Yên và Bình Định thành tỉnh Bình Phú do công sứ Qui Nhơn cai quản. Chính quyền An Nam chuyển quan Tuần vũ Phú Yên ra Qui Nhơn giúp việc quan Tổng đốc Bình Phú, bổ nhiệm quan Bố chính đứng đầu tỉnh. Năm 1926, chính quyền An Nam lại đặt quan Tuần vũ thay thế quan Bố chính đứng đầu tỉnh Phú Yên. Ở tỉnh đường có 2 ty: Ty phiên và ty niết. Đứng đầu ty phiên là quan Thông phán, bao gồm các tào lại, lễ, hộ,

công, nhiệm vụ giúp việc cho quan Tuần vũ. Ty niết giúp việc cho quan Án sát, đầu ty là quan Kinh lịch. Mỗi ty có các Thừa phái và Hậu bổ giúp việc. Về võ quan có Đốc đốc, Chánh phó Lãnh binh, Quán cơ, Suất đội, Hiệp quản, Đội trưởng... Chịu trách nhiệm quản lý giáo dục thì cử trong tỉnh có các quan: Đốc học coi sóc cả tỉnh, Giáo thụ phụ trách phủ và Huấn đạo ở cấp huyện.

Như vậy, kể từ tháng 2 – 1889, Sông Cầu trở thành tỉnh lỵ Phú Yên, là trung tâm hành chính, nơi hội tụ của quyền điều hành các cấp khác ở Phú Yên. Lý giải lý do vì sao chính quyền thực dân Pháp chọn Sông Cầu làm tỉnh lỵ, theo chúng tôi, bước đầu có hai lý do khiến người Pháp đi đến quyết định này. Thứ nhất, về mặt số lượng quan lại người Pháp ở Trung kỳ trong khoảng thời gian này thiếu hụt rất nhiều nên không đủ cai trị ở Phú Yên, nên họ quyết định di dời tòa Công sứ về Sông Cầu, nơi cách Qui Nhơn hơn 60 cây số để có thể hỗ trợ cho nhau. Thứ hai, về điều kiện khí hậu ở Sông Cầu, nơi đây có khí hậu khá mát mẻ phù hợp với người Âu, với dừa và đất cát, thường có những mạch nước ngầm đã làm cho khí hậu Sông Cầu khác biệt so với các vùng khác trong tỉnh Phú Yên. Chính những lý do này khiến người Pháp chọn Sông Cầu làm tỉnh lỵ. Về sau với nhiều mục đích khác trong chính sách khai thác thuộc địa, người Pháp mở rộng Sông Cầu thành trung tâm phát triển kinh tế - xã hội ở Phú Yên.

2. Sự phát triển đô thị Sông Cầu từ 1887 - 1921

Trung tâm kinh tế

Sông Cầu trở thành trung tâm kinh tế của Phú Yên xuất phát từ những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp. Trong khoảng thời gian từ 1888 – 1921, chính quyền Pháp thực hiện chính sách then chốt, nổi bật là đầu tư phát triển cảng thị, cụ thể ở Cù Mông và vịnh Xuân Đài trở thành hải cảng “thương mại và xuất khẩu” quan trọng ở xứ Trung kỳ.

Ý tưởng quy hoạch cảng thị ở Phú Yên mạnh mẽ từ năm 1890, biểu hiện ở lời nhận xét của viên công sứ Tirant về tầm quan trọng của vịnh Xuân Đài⁽³⁾: “Vịnh Sông Cầu là một trong những vịnh đẹp nhất trên toàn thế giới mà 100 tàu có thể đến thả neo ở đây”, sau đó đích thân ông ta đã đề nghị nhà cầm quyền: “Nó phải được thừa nhận là hải cảng chính của miền Trung An Nam”⁽⁴⁾. Vịnh Xuân Đài có vị trí quan trọng đối với tỉnh Phú Yên trong lịch sử, là nơi di trú và làm ăn của một bộ phận không nhỏ người Hoa kiều ở Vũng Lắm, Tiên Châu (nằm trong Vịnh Xuân Đài), nơi thuận lợi cho sự phát triển dịch vụ vận chuyển đường biển, nhất là trong điều kiện khó khăn về giao thông đường bộ trong khoảng thời gian này.



Thị xã Sông Cầu ngày nay. Nguồn: Internet

Xét về quy mô của hải cảng, Cù Mông và vịnh Xuân Đài không sánh bằng các hải cảng ở Hải Phòng, Đà Nẵng, Sài Gòn; nhưng xét về vai trò, vị trí và tính chất, chúng tôi nhận thấy có một số điểm quan trọng: *Thứ nhất*, hải cảng Cù Mông, Xuân Đài đóng vai trò “cảng trung gian”, là nơi trung chuyển hàng hóa nông sản ở khu vực Trung kỳ, trạm tiếp nhiên liệu và lương thực cho các tàu ngoại quốc hoặc tàu hành trình Bắc – Nam, nơi trú ẩn an toàn khi thời tiết diễn biến xấu. *Thứ hai*, cảng thị Cù Mông và Xuân Đài đóng vai trò quan trọng trong chính sách độc quyền khai thác và tách cao nguyên ra khỏi lãnh thổ Trung kỳ của thực dân Pháp. Những nguồn lợi tài nguyên, hàng hóa nông thổ sản ở cao nguyên vận chuyển bằng đường bộ qua tỉnh Phú Yên, sau đó vận chuyển tới vịnh Xuân Đài, Cù Mông để chuyên chở vào các cảng lớn.

Từ những ý tưởng của Tirant, sau thời gian tìm hiểu và triển khai các chính sách khai thác thuộc địa, chính quyền Pháp tập trung vào phát triển kinh tế Phú Yên theo hướng thương mại và dịch vụ. Chính quyền Pháp xây dựng các trạm thuế quan, cư xá cho các thủy thủ, thiết lập phòng cảnh sát vệ sinh hàng hải và mở tuyến đường thủy nội địa, quốc tế ở vịnh Xuân Đài và Cù Mông. Cụ thể, vào năm 1911 thực dân Pháp đã cho xây dựng 1 cư xá với nhà phụ cho ủy thác viên và 1 cư xá cho các thủy thủ ở vịnh Xuân Đài. Về sau do nhu cầu giữ gìn vệ sinh cũng như bảo vệ an ninh ở các cửa biển, chính quyền thực dân đã thiết lập phòng cảnh sát vệ sinh hàng hải ở Cù Mông, Xuân Đài và Đồng Trạch.

Song song với việc đầu tư xây dựng các cơ sở phục vụ khai thác thuộc địa, chính quyền Pháp mở các tuyến vận tải hàng hải đường dài Qui Nhơn – Sông Cầu – Sài Gòn và ngược lại. Hãng Berthet – Charriere nhận thầu đầu tiên, hãng

này đưa chiếc tàu hơi nước Hélène hoạt động thường xuyên ở vùng biển Phú Yên từ năm 1901. Chiếc tàu hơi nước Hélène vận chuyển hàng hóa từ Sông Cầu – Qui Nhơn, Sông Cầu – Sài Gòn và ngược lại, cuối cùng bị mắc cạn ở vùng biển Tuy Hòa. Năm 1909, ông Dom Bazin nhận thầu vận chuyển hàng hóa đường dài từ Vũng Lắm, Sông Cầu đi Sài Gòn với chiếc tàu hơi nước của hãng ông.

Với việc xây dựng cơ sở vật chất trên, thực dân Pháp phát triển quy mô cảng Cù Mông, Vũng Lắm, Sông Cầu trở thành “cảng trung gian” vận chuyển hàng hóa không chỉ ở Việt Nam mà vươn ra tận khu vực Đông Nam Á và Đông Á. Theo kết quả thống kê của phòng Thuế quan Cù Mông và Xuân Đài thì lượng tàu thuyền cập cảng từ năm 1904 – 1909 là 7.012 chiếc, trong đó thuyền ghe người Việt khoảng 6.911 chiếc, tàu thủy ngoại quốc là 83 chiếc; lượng tàu xuất cảng ở Phú Yên là 6.522 chiếc⁽⁵⁾.

Góp phần thúc đẩy sự phát triển giao thông đường biển phải kể đến số lượng lớn ghe thuyền người bản xứ, hơn 6.911 chiếc ghe bầu người bản xứ cập cảng Vũng Lắm, Sông Cầu, Cù Mông từ năm 1904 – 1909, chia làm 3 loại: ghe thuyền của các lái thương người Việt và người Hoa; ghe thuyền vận chuyển hàng hóa do người Pháp thuê; ghe thuyền đánh cá của ngư dân. Trong quý III năm 1908, công sứ Phú Yên đã cấp 800 giấy thông hành cho loại ghe này. Hoạt động của loại ghe thuyền bản xứ theo mùa thu hoạch của nông thổ sản và thời gian hoạt động của gió mùa Đông Bắc và Tây Nam. Vào mùa thu hoạch nông thổ sản và muối, thuyền của các lái thương cập cảng Cù Mông, Vũng Lắm và Sông Cầu thu mua, sau đó vận chuyển đến các tỉnh Nam kỳ (chủ yếu Cần Thơ, Rạch Giá, Mỹ Tho, Vĩnh Long,

Sài Gòn), Trung kỳ (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phan Rang, Bình Thuận) và Bắc kỳ.

Trong thời gian này hoạt động thương mại ở Cù Mông và Vũng Lắm được đẩy mạnh. Theo thống kê của phòng Giám thu Xuân Đài và Cù Mông, hoạt động thương mại năm 1909: Xuất khẩu 8338 tấn với giá trị 2,3 triệu Franc (fr), mặt hàng xuất khẩu chủ yếu đường mật, cau, đồ gốm, dừa khô, cá khô, muối, da động vật, đậu lấy dầu; nhập khẩu 3552 tấn với giá trị 1,1 triệu fr, mặt hàng nhập khẩu như cá khô và thịt muối, chè Trung Hoa, gốm Nam kỳ, vải, chỉ cotton, gạo trắng; số lượng tàu thuyền cập cảng là 2307 chiếc (tàu ngoại quốc là 13 chiếc, tàu An Nam 2285 chiếc).

Theo kết quả thống kê của sở Thương chính thì tổng lượng hàng xuất khẩu tại cảng Cù Mông, Vũng Lắm và Sông Cầu từ năm 1904 – 1909 là 36,1 triệu tấn với giá trị 9,4 triệu fr vàng, trong đó phòng thuế quan Cù Mông là 11 triệu tấn với giá trị 2,6 fr, Xuân Đài là 25,1 triệu tấn với giá trị 6,8 triệu fr vàng. Những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu ở Phú Yên trong thời kỳ này gồm gia súc, muối, đường mật, cau, dừa khô, da động vật, lúa gạo, cá khô, nước mắm, đồ gốm, gỗ và các loại đậu đỗ.

Hoạt động thương mại quan trọng và có tính chất phức tạp tác động đến nền kinh tế thực dân ở Phú Yên từ 1887 - 1921 là việc xuất khẩu gia súc. Thời kỳ đầu, xuất khẩu gia súc ở Phú Yên do các lái thương Nam kỳ thực hiện, với tính chất nhỏ lẻ nên chưa được người Pháp chú ý. Chỉ sau đơn yêu cầu của ông Schoss, nhà tư sản người Mỹ ở Sài Gòn gửi đến nhà cầm quyền Pháp về việc thu mua số lượng gia súc từ 1.000 – 1.200 con và một số gia cầm ở Phú Yên thì tư bản Pháp mới quan tâm đến nguồn lợi này. Sau ông Schoss, nhiều nhà tư sản đến từ Philippines đệ đơn xin trưng mua gia súc để xuất cảng và một số xin trưng thuê đất đầu tư chăn thả gia súc. Trước tình hình trên, chính quyền thực dân đã ban hành một văn bản qui định về việc xuất cảng gia súc ở các tỉnh Trung kỳ vào năm 1900, theo đó tư bản Pháp cho phép các nhà tư sản thương mại đặc quyền thu mua gia súc ở Phú Yên xuất cảng sang Philippines⁽⁶⁾.

Kể từ năm 1900, hoạt động xuất khẩu gia súc ở Phú Yên chủ yếu sang Philippines và loại gia súc xuất khẩu là trâu bò. Theo số liệu thống kê sở Thương chính thì số lượng trâu bò xuất cảng sang Manila từ năm 1906 – 1908 gần 6.878 tấn, riêng năm 1908 xuất cảng với số lượng 4.101.459kg với lợi nhuận gần 2 triệu fr vàng. Giá xuất khẩu mỗi loại gia súc có sự chênh lệch giữa ngựa và trâu bò, giá ngựa thường cao gấp 2-3 lần giá trâu bò, thông thường giá xuất khẩu trâu bò loại 1 từ 23-25 đồng/con, giá trâu bò loại 2 từ 18-20 đồng/con;

giá ngựa loại 1 từ 80-100 đồng/con, giá ngựa loại 2 40-60 đồng/con⁽⁷⁾.

Các bản báo cáo kinh tế của tòa công sứ Sông Cầu cho biết từ năm 1900 – 1908 có hơn 9 nhà tư sản và hiệp hội đến Phú Yên thu mua và đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi gia súc gồm nhà tư sản Jose Gerenacoi, Daniel de Movellan, Matheu (Qui Nhơn), Houdetot (Nha Trang), Defert là những nhà tư sản trưng mua trâu bò xuất sang Philippines; Montpezat, Lyard là những nhà tư sản thuê đất chăn thả gia súc ở miền tây Phú Yên. Trong số những nhà tư sản trên, ông Defert đại diện hiệp hội thu mua gia súc Ynchanssi được chính quyền Pháp ưu tiên về một số quyền hạn về trưng mua trâu bò ở Phú Yên, nhà tư sản Philippines này lập một thương điểm và định cư lâu dài ở Vũng Lắm, ông thu mua trâu bò ở Phú Yên vận chuyển về Philippines bằng tàu hơi nước tại cảng Vũng Lắm.

Sau một thời gian xuất cảng, tư bản Pháp nhận ra những bất cập trong việc xuất cảng trâu bò sang Manila. Nếu con số xuất cảng trâu bò mỗi năm là 2.292,7 tấn, thì trung bình mỗi năm tỉnh Phú Yên xuất khẩu sang Philippines 6.550 con, tính liên tục trong vòng 10 năm lên đến 65.550 con. Lượng gia súc cung ứng xuất khẩu mỗi năm sẽ không đủ, những lái thương Philippines phải mua trâu bò cái và bò mộng để xuất khẩu, vì vậy đàn trâu bò của tỉnh không có khả năng phục hồi và sẽ tuyệt chủng. Thêm vào đó, trâu bò là tư liệu sản xuất chính không chỉ cho nông dân Phú Yên mà cả khu vực Nam Trung kỳ. Điều này đe dọa đến nền an ninh lương thực cũng như nền kinh tế Phú Yên. Nhận thức được vấn đề trên, từ năm 1909 chính quyền thực dân Pháp đã cấm chỉ xuất khẩu trâu bò sang Philippines và tịch thu giấy phép mà nhà cầm quyền đã cấp cho các nhà tư sản ở Philippines trước đó.

Những chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp trong khoảng thời gian 1887 – 1921 cho thấy chính quyền Pháp ưu tiên Sông Cầu với vai trò là trung tâm kinh tế Phú Yên, phát triển theo hướng khai thác các mặt hàng nông sản để xuất khẩu, tận dụng yếu tố biển để phát triển dịch vụ vận tải và xuất khẩu. Điều này thể hiện đúng với bản chất vơ vét của chính quyền thực dân Pháp trong giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ nhất, nhưng thông qua đó phản ánh lên một điều là chính quyền Pháp tận dụng yếu tố biển để phát triển dịch vụ vận tải biển và xuất khẩu ở Phú Yên.

Trung tâm văn hóa, giáo dục

Những năm đầu thế kỷ XX, hệ thống chính quyền thực dân và chính sách khai thác thuộc địa của Pháp ngày càng mở rộng ở Phú Yên, đòi hỏi phải bổ sung lượng công chức hành chính Tây học phục vụ ở các cơ quan chính

quyền bảo hộ, đồng thời thực hiện âm mưu với tay đến tận cấp xã thôn. Người Pháp bắt đầu triển khai chương trình giáo dục Pháp - Việt ở Phú Yên. Theo nguồn tư liệu chúng tôi tiếp cận thì chính thức năm học 1908 - 1909, chính quyền bảo hộ Pháp đã cho thử nghiệm chương trình học này tại Sông Cầu, mới đầu chỉ có 1 lớp với 3 thầy giáo và 32 học sinh, được học lồng ghép với các lớp theo hệ thống giáo dục cũ do ngân sách chính quyền Nam triều đài thọ.

Sau năm 1915, chính quyền thực dân Pháp chính thức triển khai chương trình giáo dục tiểu học Pháp - Việt ở Phú Yên với 3 cấp học. Đến năm 1917, chính quyền Pháp mở thêm trường Sơ học Pháp - Việt dành cho con gái (Ecole franco - annamite des jeunes filles), trường dạy nữ sinh nhập chung với trường Sơ học Pháp - Việt dành cho nam sinh ở Sông Cầu. Chương trình học đối với lớp nam sinh gồm 3 lớp: Đồng ấu, Dự bị và Sơ đẳng, nội dung dựa theo chương trình Học quy được ban hành năm 1906 của chính quyền thực dân Pháp. Đối với lớp con gái, chính quyền thực Pháp dạy tiếng mẹ đẻ gồm tập viết, tập đọc, học tính, luân lý, vệ sinh và chương trình thực tập gồm gia chánh (khâu vá, giặt giũ, nấu ăn...), những nghề thủ công dành cho phụ nữ (thêu, đan, dệt, làm bánh, làm vườn...). Cho đến năm 1918, lượng giáo viên dạy ở trường Sơ học Sông Cầu là 3 người, trong đó 1 hiệu trưởng, 1 thầy giáo giảng dạy (instituteur auxiliaire) và 1 giáo viên nữ (institutrice). ("Province de Binh Dinh", Annuaire general de l'Indochine, année 1918).

Sau chiến tranh thế giới lần I, chính quyền thực dân Pháp tiếp tục thực hiện chính sách củng cố và phát triển hệ thống giáo dục thực dân ở Phú Yên. Thời kỳ này, chính quyền bảo hộ triển khai nền "Học chính tổng quy" từ cấp phủ, huyện đến tổng, xã với hàng loạt các trường tiểu học Pháp - Việt ra đời ở Phú Yên. Bậc học cao nhất ở Phú Yên là Tiểu học với 3 loại trường: Tiểu học toàn cấp (Ecole primaire de plein exercice) lập ở tỉnh, Sơ đẳng Tiểu học (Ecole primaire élémentaire) lập ở phủ, huyện và Sơ học ở các tổng, xã (Ecoles cantonales et communales).

Vào năm 1921, trường Sơ đẳng tiểu học Sông Cầu đổi thành trường Tiểu học toàn cấp (Ecole primaire de plein exercice) với 5 cấp học, gồm: Đồng ấu, Dự bị, Sơ đẳng Tiểu học, Trung đẳng Tiểu học và Cao đẳng Tiểu học, sau đó được thăng lên trường tỉnh. Sự kiện này tạo ra một bước ngoặt đối với nền giáo dục Phú Yên thời thuộc Pháp. Hệ thống giáo dục phong kiến chính thức chấm dứt vai trò đào tạo nguồn nhân lực, cùng với nó là hệ thống

giáo dục Pháp - Việt chi phối và quyết định đến việc đào tạo đội ngũ trí thức ở Phú Yên. Đồng thời tỉnh lỵ Sông Cầu trở thành trung tâm đào tạo đội ngũ trí thức.

3. Kết luận

Theo Nghị định ngày 17-10-1921, chính quyền Pháp tách tỉnh Phú Yên trở thành tỉnh độc lập và không còn lệ thuộc vào tỉnh Bình Định. Sự chia tách này có ý nghĩa quan trọng, tỉnh Phú Yên trở về đơn vị hành chính cấp tỉnh và được đầu tư như một tỉnh lỵ khác ở khu vực Trung kỳ. Cũng sau nghị định này, đánh dấu một sự thay đổi lớn về chính sách khai thác thuộc địa và không gian phát triển kinh tế - xã hội ở Phú Yên. Lúc này, chính quyền thực dân Pháp triển khai hàng loạt các chính sách đầu tư khai thác ở khu vực phía nam tỉnh Phú Yên và đã tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở Sông Cầu kể từ sau năm 1921. Trong thời kỳ 1887 - 1921, chính quyền thực dân Pháp đã đầu tư xây dựng Sông Cầu trở thành trung tâm tỉnh lỵ Phú Yên. Cùng với đó, chính quyền Pháp đã thực hiện chính sách khai thác thuộc địa hướng đô thị Sông Cầu phát triển theo dịch vụ vận tải biển và xuất khẩu, phù hợp với các chính sách của Pháp, nên trong cơ cấu kinh tế Phú Yên thời kỳ 1887 - 1921 là yếu tố dịch vụ, xuất khẩu và cảng biển quyết định.■

CHÚ THÍCH:

1. Chúng tôi dẫn theo tác phẩm của Trần Sĩ, Nguyễn Đình Cẩm, *Địa dư tỉnh Phú Yên*, tr.34, và theo bài viết "Hệ thống chính quyền và chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Phú Yên (từ 1887 đến đầu những năm XX)", Tạp chí *Khoa học Xã hội*, số 4/2008.

2. Chúng tôi căn cứ vào Paris C. "Voyage d'exploration de Hue en Cochinchine par la route mandarine", *Bulletin administratif de l'Annam*, Paris: Ernest Leroux, 1898, p.171.

3. Theo chúng tôi vịnh Xuân Đài mà công sứ Tirant nhắc ở đây là vịnh Xuân Đài bây giờ, nó bao gồm các cảng Vũng Lắm, bãi Tiên Châu, cảng Sông Cầu,...

4. Dẫn trong bài viết của tác giả. A. Laborde (1929), "La province de Phu Yen", *BAVH*, Tập 16, số 4, (Tỉnh Phú Yên), Bản dịch, Thuận Hóa, 2003, tr.438.

5. Tổng hợp từ các bản báo cáo của Công sứ Phú Yên: *Rapporte économique province de Phu Yen*, année 1904 - 1909.

6. Dẫn trong *Rapporte économique province de Phu Yen*, année 1900, 1901.

7. Tổng hợp từ các bản báo cáo của Công sứ Phú Yên: *Rapporte économique province de Phu Yen*, année 1906 - 1908.